

Những Đại Triết Gia: Lão Tử

Karl Jaspers: The Great Philosophers- Vol.II . Tuyển lọc bởi Hannah Arendt. Anh ngữ bởi R. Mannheim. NXB Harcourt, Brace, Jovanovich (NY 1966)

I. THÂN THỂ VÀ TÁC PHẨM

Jaspers viết về Lão Tử qua cuốn *Sử Ký* của Tư Mã Thiên. Theo đó thì Lão Tử có tên thật là Lý Nhĩ, người nước Sở, thuộc miền bắc Trung Hoa hiện đại và đã từng là một sử gia cho triều đình nhà Chu. Trọn suốt đời, Lão Tử chỉ muốn ẩn danh và không có tên tuổi. Khi lớn tuổi, tình trạng đất nước trở nên tồi tệ, ông du hành về hướng tây. Ở biên giới của nước Sở, Lão Tử sáng tác *Đạo Đức kinh (Tao Te Ching)* - tác phẩm duy nhất của ông. Xong, ông biến mất vào chân trời, và từ đó không ai biết là ông đã trở nên như thế nào. Nhưng theo một số tài liệu thì Lão Tử chết ở nhà. Ngay cả niên đại của cuộc đời Lão Tử cũng không có gì là chính xác. Có sử liệu thì cho rằng ông sống vào thế kỷ thứ sáu trước Tây lịch, hay là thứ năm, thứ tư. Khổng Tử, Mạnh Tử không hề nói đến Lão Tử. Thành ra cuộc đời của Lão Tử chỉ còn đây là huyền thoại và nó không còn là một vấn đề quan trọng khi nghiên cứu về triết học Lão Tử, vốn chỉ căn cứ trên văn bản cuốn Đạo Đức kinh. Nhưng ngay cả bản văn của Đạo Đức kinh cũng chứa đựng nhiều nghi vấn. Phần nào là nguyên tác, phần nào là của người đời sau bỏ thêm vào? Đến một mức độ nào đó thì toàn bộ sự hiện hữu của Lão Tử như là một con người lịch sử và tác phẩm đó cũng chỉ là một vấn đề - và có thể tất cả cuộc đời và tác phẩm của ông chỉ là một sự kiến tạo bởi người đời sau để Lão Tử chỉ là một huyền thoại nhằm tạo nên thẩm quyền cho tư tưởng của Đạo Đức kinh. Tuy vậy, Jaspers quan niệm rằng, dù gì đi nữa, Đạo Đức kinh là một tác phẩm triết học vĩ đại, thống nhất, sáng tác bởi một tư tưởng gia hạng nhất. Với Đạo Đức kinh, người

đọc có cảm tưởng như rằng Lão tử "đang đứng trước mặt và nói chuyện với chúng ta."

Toàn bộ Đạo Đức kinh gồm có 5000 chữ, chia ra làm 81 chương ngắn, chứa đựng những tiền đề triết luận ngắn gọn và tổng quát. Sự sắp đặt không đi theo một quy trình hay một hệ thống nào. Tiền đề tổng quát, về Đạo và về Đức, được đưa ra ngay từ đầu và được tái trình bày suốt cả tác phẩm. Lão Tử không đưa ra một lý giải trong khuôn thức biện luận cho ý niệm của mình. Ông trình bày tư tưởng bằng những câu văn theo thể điệu và nội dung châm ngôn, thành ngữ - nhưng những ý niệm chính yếu lại được lập đi lập lại nhiều lần qua nhiều biến thái cũng bằng thể văn này để trở nên một phương cách biện luận chính nó. Toàn bộ tư tưởng của Đạo Đức kinh không bao gồm ngôn ngữ đồng nhất nhằm kết hợp cho một luận đề có trật tự lý giải; mà rằng, tính đồng nhất của tư tưởng được thể hiện qua năng động thông diễn vốn phát xuất từ một gốc rễ tư tưởng vốn đã được đề ra ở mỗi đầu chương. "Cái năng lực của những công tác nghịch thường (không mang tính chơi chữ hay là màu sắc tinh ý), tính chân thành, và khả năng tác động cho một chiều sâu suy thức vô hạn đã làm cho tác phẩm trở nên một trong những công trình triết học vô giá," Jaspers viết.

Chúng ta đọc Đạo Đức kinh, cũng như phần lớn các tác phẩm triết học kinh điển Á Đông khác, không như là đọc các tác phẩm Tây phương, như của Kant hay Plato. Theo Jaspers thì, văn bản của Đạo Đức kinh không trực tiếp nói với người đọc qua ngôn ngữ của nó - nhưng mà qua một môi giới suy thức nào đó của độc giả

vốn chỉ dựa vào ngôn ngữ như là những nấc thang tổng quát và trừu tượng để đạt đến một không gian tư tưởng cao và rộng hơn. Từ đó là nguồn gốc của những sai lệch về ý nghĩa với nhiều nội dung phiên dịch và phiên giải. Cũng một chương sách, ví dụ, chương 6: kể thì phiên dịch rằng nó nói về sự điều tiết hơi thở, kể khác thì dịch rằng thì dịch rằng nó nói về nguồn gốc vũ trụ, "tinh thần của thung lũng," hay là "nữ tính thường tình." Theo Lieh-tzu (Liệt Tử) và Strauss thì chương này Lão Tử trích dẫn từ một cuốn cổ thư khác. Lão Tử có thói trích dẫn kể khác về các câu thơ, châm ngôn, điệu ca.

II. KHAI GIẢI TRIẾT HỌC LÃO TỬ

Đạo (Tao) là nguồn gốc và cứu cánh tối hậu cho tất cả thế giới và sự vật. Đạo Đức kinh mở đầu bằng một tiền đề và ý nghĩa của Đạo: Tất cả là từ Đạo và Đạo là nơi để tất cả đều trở về, làm thế nào để con người sống theo Đạo., làm sao để bị mất Đạo và tìm lại Đạo, trên căn bản cá nhân cũng như là của xã hội chính trị. Theo ngôn từ Tây phương, Jaspers viết, thì nội dung này song song với siêu hình học, vũ trụ luận, luân lý và chính trị luận, nhưng với Lão Tử thì tất cả những lãnh vực này đều được trộn lẫn và xuyên suốt trong một ý niệm căn bản. Tất cả là sự thể hiện - hay là nói theo triết ngữ của Hegel - là những thời quán (moments) của Đạo.* (*Xem *Từ Do và Đạo Lý* (1993): Nguyễn Hữu Liêm đã đọc và phiên giải cuốn *Pháp Triết* của Hegel mà trong đó chữ *Geist* của Hegel được đọc là Đạo).

1. Đạo

Đạo Đức kinh bắt đầu bằng tiền đề mà rất đông người Á Đông đã nghe đến: Đạo mà có thể nói lên được thì không phải là Đạo vĩnh cửu (thường Đạo); cái tên (danh) mà được nêu lên thì không phải là thường danh. Cái Vô Danh là cội gốc của Thiên và Địa." Tất cả mọi ngôn từ và tri kiến hữu hạn của con người thế gian đều không thể có khả năng để diễn tả được bản chất của Đạo. Vì thế, Lão Tử nói, "Ta không biết tên của nó nên mới (tạm) kêu nó là Đạo."

Khi muốn nói về Đạo thì ta chỉ đến gần với nó qua phương cách phủ định: nói là cái gì không thể nghĩ bàn, không thể được diễn tả. Lão Tử viết, "Ta nhìn đến nó nhưng không thấy nó - tên nó là Di (the Invincible). Ta cố gắng nghe nó, nhưng không nghe được - tên nó là Hi (the Inaudible). Ta cố bắt mà không đụng đến được nó -

Jaspers đề nghị rằng đọc giả khi nghiên cứu Đạo Đức kinh, nên sử dụng nhiều văn bản và bản dịch khác nhau để so sánh và phán xét cho riêng mình.

Điều dĩ nhiên rằng, muốn hiểu nhiều hơn về Lão Tử thì phải có kiến thức căn bản về Trung Hoa và lịch sử của người Tàu, nhất là lịch sử tư tưởng và chính trị của vùng này vào khoảng thời gian mà Lão Tử nói là đã sinh hữu. Nhưng Jaspers cho rằng trong trường hợp Đạo Đức kinh thì điều đó không cần thiết vì văn bản của tác phẩm này tự nó chứa đựng những nội dung triết học và tư tưởng vượt thời gian và sử tính.

tên nó là Vi (the Subtle). Tất cả những cố gắng để hiểu hay diễn đạt Đạo đều chỉ có tác dụng là biến Đạo thành hữu hạn. "Đạo là rỗng không (như là cái chén)"; nó là một vực sâu thăm thẳm vô cùng, "nó có thể được sử dụng, nhưng không bao giờ kiệt cạn." Nếu chúng ta đặt tên cho nó, nắm nó, hiểu nó, hay phân định nó, nó biến mất: "Nó trở về hư không." "Đạo là hình trạng mà vô hình trạng; nó là hình trạng của cái vô thể tướng - nên gọi nó là Hốt (the Vague) Hoảng (the Elusive). Đón gặp nó thì không thấy được mặt; theo đuổi nó thì không thấy được lưng."

Jaspers phân luận: Đối với chúng ta thì những gì là đối tượng mang tính chất hữu hạn - sự phân định và phiên giải kiến tạo nên sự Hữu (Being). Một tam giác hiện hữu vì nó có góc cạnh, chiếc thuyền có được vì nó có dung lượng, một hình ảnh bởi vì nó có thể tương. Nhưng khi một đối thể trở nên vô hạn và bất phân định như là Đạo thì nó bị mất đi tính đặc thù phân biệt của nó. Từ đó, khi chúng ta suy thúc đến một đối tượng từ thể tướng hữu hạn đến bản thể vô cùng tận của nó là lúc mà chúng ta đang đi về gần với Đạo. "Vuông lớn thì không có góc; tài lớn (cơ đồ lớn, hay châu lớn) thì lâu thành; nhạc lớn thì thanh nhẹ; thể lớn thì vô hình." Từ đó, Đạo là hư không; nó vượt qua khỏi sự Hữu. Đạo là nguồn cội, nhưng cội gốc này là cái hư không lớn, toàn thể. "Tất cả sự hữu đều trở nên vô hữu." Và hư không chính là Đạo - chữ Không là nguồn gốc và cứu cánh của hiện hữu. Hư không tự chính nó là sự hữu và vượt qua sự hữu. Chúng ta đến với hư không bằng phương pháp phủ định sự hữu - và bởi thế, chúng ta xác định được con đường đến với Đạo. Đạo là vô cùng và vĩnh cửu - không là gì nhưng mà là tất cả. Căn tính của Đạo là tự chính nó; trong khi tất cả thiên, địa, nhân, vật đều phải

dựa vào cái khác để mà thành. Đạo là yên tĩnh, đơn giản, nhưng không có nghĩa là bất động. Trong cái tĩnh của Đạo là cái động, và ngược lại. Đạo hành động nhưng trong vô cầu vì tự chính Đạo đã là hoàn tất. Đạo không có ái dục, và năng lực chuyển hóa của Đạo chính là tiến trình trở nên của chính nó.

Theo Jaspers thì trong thời gian mà Lão tử sinh tiền, người Tàu đã có khái niệm về Đạo từ lâu. Đây là một ý tưởng cổ xưa, vốn mang ý nghĩa "con đường." Sau đó, Đạo trở thành ý nghĩa của trật tự vũ trụ và là một nhân sinh quan. Đạo đã từng được phiên dịch là lý (reason), logos, Thượng đế, ý nghĩa, con đường chính Nhưng đến Lão Tử thì chữ Đạo đã mang một ý nghĩa mới: Đạo là căn tính của tất cả, mặc dù rằng bản thể của sự vật là không thể diễn tả được. Đạo trở thành một ý niệm siêu việt, một tính thể vượt qua sự hữu, nhưng liên hệ và tồn tại trong sự hữu. Trong Đạo, cái Đang Là và Sẽ Phải Là đều đồng nhất. Đạo là cái Một tối hậu. Từ cái Một này, nó tự sung thực chính nó để rồi sinh ra đối tính mà hệ quả là sự xuất hiện của thế gian. Đạo là trống rỗng: một khả thể của tiềm năng hơn là thực tại, nó sung mãn trong sự trống rỗng, hư không tự hữu, Jaspers phiên luận. Đạo bao gồm tất cả, sung mãn và thống hợp, bất phân định; và vì thế, nó chứa chấp tất cả. Và Jaspers đưa ra thuật ngữ hiện sinh luận của ông: Đạo là Bao Dung Thể (The Encompassing/das Umgreifende).

2. Đạo và thế gian

Đạo có trước Trời và Đất, có trước cả Thiên đê. Nhưng Đạo không phải là một cái gì không thể đến được hay là hoàn toàn xa lạ. Đạo sinh động trong thực tại Đang Là. Nó không thể tiếp nhận bởi giác quan, nhưng nó có thể được sinh nghiệm qua Đạo lý cuộc đời. Jaspers phân giải rằng Đạo hiện thân trong thế gian qua những biểu dấu như sau:

a. Đạo là vô-hữu (nonbeing): tai mắt, tay chân tìm Đạo trong vô vọng nhưng Đạo lại hàm chứa và hiện hữu khắp mọi nơi. Nó cũng giống như là một sự trống không thực hữu vốn quyết định nên bản chất của sự vật. Jaspers lấy ví dụ: Bản chất và công năng của chiếc thuyền là cái khoảng không của dung lượng mà nó có, hay là sự hữu dụng của căn nhà là tùy thuộc vào sự trống rỗng của các cánh cửa sổ và cửa ra vào. Cái Không của Đạo là cái vô hữu của sự vật khi được phân định.

b. Đạo hành như là vô hành: "Đạo không tác hành, nhưng không có cái gì là không được hoàn tất." Nó năng động như thể rất yếu đuối vì "mềm yếu là chức năng của Đạo." Đạo luôn luôn năng động, nhưng trong im lặng và có vẻ như là bất động. Đạo sinh ra tất cả và là nơi để tất cả trở về nhưng Đạo không kiểm soát gì cả mà để cho muôn vật được tự do - từng tác động của sự thể trên thế gian có vẻ như là tự phát. "Đạo không được tôn thờ một cách bắt buộc mà là qua cung cách tự nhiên" vì "Con đường của Trời không là tranh nhưng mà có thể chinh phục được cả; không nói mà được nghe; không kêu gọi mà sự việc đến; mọi thứ tự nhiên thành."

Đạo có thể làm cho mọi sự chuyển động mà không bị giới hạn nào vì Đạo tự làm cho mình không hiện hữu trong cái hữu của sự vật - như rằng nó không can dự hay tác hành gì cả. Đạo "sản xuất nhưng không chiếm hữu, nó hành nhưng không cậy công, nuôi dưỡng nhưng không làm chủ. "Đạo tự cùn hóa bén nhọn, điều hóa sáng láng, hòa mình với bụi bặm."

c. Đạo là nguồn gốc của cái Một trong tất cả muôn một: Sợi dây của muôn một tổng thể nối kết tất cả sự hữu là cái Một - thể tướng của Đạo không phải là con số một mà là cái Một của tinh hoa, của thực tính. "Những gì xưa cũ đã đạt được cái Một: Trời được Một mà trở nên trong sáng. Đất đạt cái Một mà trở nên bình. Thần để được Một mà trở nên linh thiêng. Thung lũng được Một mà đầy. Muôn vật được Một mà sinh và nở. Vương hầu đạt cái Một mà trị được thiên hạ."

d. Tất cả sinh hiện mang tính thể từ Đạo: "Không có Đạo thì muôn vật đều thất lạc." "Đạo là mẹ của vũ trụ." Tinh hoa của Đạo nằm trong muôn vật, là tinh thần, dù là bàng bạc nhưng rất là thật hữu.

e. Đạo vượt qua thiện và ác nhưng là hữu ích vô cùng: "Đạo là nơi chứa muôn vật. Nó là gia bảo của kẻ tốt và là nơi nương trú của kẻ ác." Đạo cũng được coi là nhân ái, lòng trung, tin cậy, nhưng Đạo không bị ảnh hưởng bởi tình cảm con người - nó không thiên vị ai hay theo phe phái nào. Đạo cũng giống như là vũ trụ: sự thành hoại của muôn vật đều là vô nghĩa, Jaspers phiên luận. "Trời Đất không có lòng nhân. Chúng coi tất cả như là chó rơm." Nhưng "Đạo Trời thì không thân thiết một ai mà luôn luôn đi với kẻ hiền."

Do đó, muốn nhận ra Đạo thì phải biết rằng Đạo tràn ngập trong sự hữu, giữa muôn vật, ở mọi nơi nhưng mà như không có gì cả. Đạo tác hành qua vô hành nhưng rồi lại đạt được tất cả. Nó đi và đến như là sự thể như vậy của thế gian.

3. Vũ trụ luận và tiến trình cá thể trong thế gian

Jaspers viết: Lão Tử cố vượt qua một viễn kiến về Đạo trong thế gian để nói đến một tiến trình hình thành vũ trụ (cosmogonic process) để rồi đến vấn nạn: Tại sao thế giới sinh ra từ Đạo? Nhưng Lão Tử không nói gì nhiều về vấn đề này dù chỉ là những suy phóng (speculation), và những gì mà ông nói cũng là quá gầy gò, mơ hồ, không kiến tạo được gì cả. Lão Tử không đặt câu hỏi tại sao thế gian này lại như thế hay là tại sao muôn sự không nằm trên đường chính của Đạo mà lại bị sai trật ra ngoài. Lão Tử có vẻ như không biết đến một tiến trình vũ trụ trong thời thế đánh dấu bởi những biến cố hình thành quan trọng hay là những gì khác thường hơn. Người đọc chỉ suy luận từ những gì Lão Tử nói đến là về một sự hiện hữu vĩnh cửu của tính thể vượt thời gian - một tiến trình thường hằng, vô thủy, vô chung.

a. Hai thứ Đạo: Jaspers đọc Đạo Đức kinh rằng, dù nguyên thủy chỉ là một, nhưng đối với con người thì có hai thứ Đạo: cái Đạo không thể nói đến, không có tên, không có sự hữu; còn có thứ Đạo có tên, hay là có sự hữu. Cái Đạo vô danh là "nguồn gốc của Trời và Đất"; còn cái Đạo hữu danh là "mẹ của vạn vật." Bà mẹ này là sự hữu (being) vì, "tất cả sự hữu đều đến từ vô hữu. Cái Đạo thì không thể gọi tên mà chỉ tìm ra trong sự biểu thị của sự hữu. Sự khởi sinh của muôn vật từ cái Đạo vô danh là nguyên thủy của tất cả những gì hữu danh. "Khi Đạo bắt đầu sáng thành và kiến tạo thì nó bắt đầu có tên. Khi khối đá nguyên sơ được cắt ra thì nó bắt đầu có tên, và khi nó đã có tên thì nó sẽ được biết đến." Cả hai thứ Đạo, hữu danh và vô danh, của hữu và vô, "cũng chỉ là một, nhưng khi chúng được tạo thành thì chúng có hai tên khác nhau." Con người chỉ có thể suy tưởng đến cái vô danh qua cái hữu danh - lý trí chiếu rọi vào chiều sâu thăm thẳm và khôn lường của Đạo từ cõi hữu hạn trong ý lực tìm ra cái vô cùng.

Ở một chương khác thì Lão Tử phác họa về vũ trụ rằng: "Đạo sản xuất ra cái Một. Từ Một ra hai. Hai ra ba. Ba ra muôn vạn. Từ muôn vạn, sự vật chuyên chở dương và âm lấy âm, và qua sự dung hóa với sức mạnh vật thể mà tất cả được hòa."

b. Cái Đạo với tiềm năng dung chứa trong chính nó những thành tố của sự hữu: thể, tướng, tính, lực. "Mập mờ, thấp thoáng chứa sự vật; sâu xa, tăm tối dung chứa tinh hoa. Tinh hoa này rất là thực hữu, trong đó có tín chứng."

c. Trong tiến trình vũ trụ là tiến trình cá thể. Jaspers viết, "Sự chuyển động của tất cả hữu thể trong vũ trụ có vẻ như có hai loại: Một loại đến và đi hoàn toàn vô nghĩa từ hư không, và loại kia là một hành trình trở về ngôi nhà nguyên thủy. Lão Tử viết, "Tất cả đều phát huy, nhưng mỗi thứ đều trở lại gốc của nó. Sự trở về cội rễ có nghĩa là Tĩnh. Nó được gọi là Phục Mệnh. Phục Mệnh gọi là Thường (Đạo).

4. Đạo và cá nhân

Lão Tử viết, "Phẩm chất toàn hảo nhất của Đức theo cùng với Đạo." Và chỉ có Đạo thì sinh hiện mới là chân hữu và chính thực. Nhưng câu hỏi là: Tại sao con người xa rời Đạo? Lý do nào?

Jaspers phiên giải: Sự sa ngã đầu tiên ra khỏi Đạo là nỗ lực cá thể, hay là hành động với chủ ý, với tâm cơ, với suy tưởng. Có nghĩa rằng hề làm gì mà có chủ tâm là không gắn đến với Đạo được. Chủ thuyết căn bản của Lão Tử là vô tâm, vô hành, vô ý - một thứ chủ nghĩa gọi là "vô vi" nhằm đạt đến cái trống không, để dung hòa với thiên nhiên, và do đó, với Đạo. Tội lỗi, hay là điều cấm kỵ, không nên lớn nhất của Lão Tử là "cơ tâm": muốn một cái gì đó và thực hiện ý muốn này một cách tích cực và năng động vào thế gian. Từ đó, Lão Tử chủ trương hành như vô hành và để cho mọi sự trôi theo cái năng lực chuyển động của thiên tạo - cái chủ ý của cá nhân chỉ là đầu mối của sai lầm và tội lỗi.

Ngay cả tự ý thức, phản tưởng cũng thế: Năng lực tự phản tỉnh sẽ làm cho họ đánh mất chính mình nếu họ muốn tìm kiếm một đối tượng kiến thức về năng động phản tỉnh này. Vì khi cá nhân chủ quyết, hay là muốn nắm lấy kiến thức như là một đối tượng, hẳn phải phân định, phân biệt và chọn lựa một phần của tổng thể mà loại trừ những gì mà hẳn không chọn lựa. Như thế là lỗi-Đạo, vì Đạo là tất cả. Người có Đạo dung hòa, hóa giải tất cả những đối nghịch, phân biệt của sự hữu vì chúng chỉ là những gì của một thống hợp bao quát từ Đạo. Vì vậy, vô vi (nonaction/vô hành) là nền tảng và nguồn gốc của luân thường (ethics). Những gì trong thế gian chỉ có ý nghĩa gắn với Đạo nếu chúng sanh mang tính chất vô vi - vì vô vi là tự nhiên, là như thế, là nguyên thủy của muôn vật, muôn sự.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Lão Tử chủ trương không làm gì cả. Vấn đề quan trọng là hành động

như là không hành động, tác hành mà không quan ngại, không lo lắng, mang chủ đích và cứu cánh cho ý lực. Điều quan yếu của tư tưởng Lão Tử là tất cả những phạm trù phân định đều là một biểu hiện về sự vi phạm của Đạo Lý. Do đó, khi chúng ta nói về hành động như là một phạm trù trong đó phản nghĩa của nó là vô hành thì cả hành động lẫn vô hành đều không bao gồm được cái tinh yếu của Đạo - vốn vượt lên trên tất cả những khái niệm phân biệt.

Jaspers phân luận tiếp: Sự đối nghịch giữa "hành" và "vô hành" có vẻ như là chúng được bao hàm trong một quy tắc. Nhưng nguyên thủy của từ ngữ này không thể được quy mồi về một quy luật nào cả vì tự bản chất của quy luật là một sự phân biệt để giới hạn và chọn lựa. Từ Đạo, cá nhân hành động nhưng không có chủ đích, nhưng chính hành động này phát xuất từ nguyên thủy của vô hành và tự nó không cần có một chủ đích vì khi có chủ đích là đã có sự chia cách và loại trừ, phủ định. Cái quy luật mà Jaspers nói ở đây là quy pháp của ngôn ngữ nhằm diễn tả hay là phân định những khái niệm về nội dung ý nghĩa. Nhưng chúng ta làm thế nào để đạt được một thông hiểu qua phương thức truyền thông mà không phải dựa trên những quy luật ngôn ngữ nếu chúng ta cố gắng trình bày tư tưởng Lão Tử về Đạo rồi quay trở lại phủ định khả năng truyền đạt của ngôn ngữ mà chúng ta đang sử dụng?

Đây là một trong những vấn nạn chính của triết học Jaspers cũng như là của nhiều triết gia khác. Vì thế, khi bàn về chữ Đạo của Lão Tử, chúng ta hãy làm theo Kant: sử dụng khái niệm nhưng với ý thức được sự giới hạn của suy tưởng và ngôn ngữ để nhìn tới cái không thể hiểu được. Đây là một thể cách *transcendental thinking*, suy thức siêu nghiệm, để thông đạt được cái "vô danh, vô thể, cái gì thật sâu xa, huyền bí, không thể nghĩ bàn."

Thế thì câu hỏi về định tính và định danh cho cá nhân? Khi ta có được hay hiểu được Đạo, cái ta này không cần một chủ ý về tự mãn, tự chắc chắn (self-certainty) về chính mình vì điều đó không là cần thiết. "Thánh nhân" - mẫu người của Đạo - không mang một định kiến về khuyết điểm, và do đó, tất cả những gì về thiên nhiên đều là như vậy mà không cần một sự minh định, không cần chính danh, không cần chính nghĩa, không cần chân lý, không cần cứu cánh. Tất cả những đòi hỏi về sự chắc chắn cho tri kiến về tự-ngã mà Đông phương cũng như Tây Âu từ Descartes vẫn thường bàn

tâm chỉ là một tiền đề không cần thiết và không chân thực.

Thế còn những người như chúng ta vốn không phải là "hiền nhân"? Có phải là Lão Tử đang đọc bài kinh cầu nguyện về một khả thể vượt thoát hơn là một luận thuyết về tư tưởng cho nhân loại? Đây là quan điểm "chủ toàn" của một nhân sinh quan vốn sợ khiếm khuyết bằng một biện minh vào cái khả toàn của một chủ nghĩa siêu nghiệm?

Chúng ta hãy cùng với Jaspers đọc tiếp Đạo Đức kinh: "Cái gì toàn hảo nhất thì có vẻ như là khiếm khuyết.... Cái gì là đầy đủ thì có vẻ như là trống rỗng. Cái gì thẳng thì có vẻ như là cong. Tài nghệ cao thì có vẻ như vụng. Hùng biện lớn lại nghe như là nói vấp." Hay là, "Đạo mà sáng thì có vẻ như tối. Đức lớn thì xuất hiện như là vũng cạn...." Câu hỏi: Như vậy thì mối quan ngại về khiếm khuyết đã trở thành một thuyết biện minh bằng cách cho chúng một ý nghĩa chủ toàn?

Hãy đọc tiếp: "Cái yếu và mềm chinh phục được cái cứng và mạnh," hay "Con đường của hiền nhân là hành nhưng không tranh." Vụn vặt, kể cả cỏ cây, đều mềm và nhẹ trong khi sinh tồn. Khi chúng đã chết thì chúng trở nên khô và cứng. Vì thế mà cứng và rắn là của cái chết. Cái nhẹ và mềm là bạn hữu của sự sống.... Kẻ mạnh và lớn là thấp kém, trong khi kẻ mềm yếu là cao siêu." Đó là những biện minh gầy gòn về chủ thuyết vô vi vốn chủ trương vẹn toàn trong cái mềm, cái nữ tính, cái nhẹ, cái thanh, cái vô tâm. Lão Tử không lý luận, không giải thích tại sao cái yếu, cái mềm, cái thấp, cái tính thì lại là siêu việt hơn là cái mạnh, cái động và cái lớn. (Nietzsche và Scheler gọi thái độ này là "resentiment" (ganh hận)).

Tinh yếu của Đạo Đức kinh là vô ngã, là tự thắng chính mình chứ không phải là tranh thắng với thế gian khách quan, là tự do ra khỏi những tham dục, hãnh tiến, tự cao. Mệnh lệnh là hãy khiêm tốn, nhún nhường, đứng đằng sau để mà được ra phía trước, tự hạ mình để được nâng cao.

Khi bàn tới kiến thức về Đạo, Lão Tử phủ định một đối thể kiến thức như là khoa học, lịch sử. Biết Đạo là sống Đạo. Hai cái không thể tách rời vì Đạo không thể chỉ để mà biết đến vì chúng ta không thể thông đạt nó mà không trực nghiệm nó bằng tất cả sự hữu của chính mình. Mục đích của cái học kiến thức là thu nhập càng ngày càng nhiều; mục tiêu của Đạo là thu rút lại để càng ngày càng ít lại cho đến chỗ vô vi. Đạo khơi dậy và lớn lên từ bên trong nội tâm; kiến thức thì đến từ bên ngoài.

Cái biết quan trọng nhất không phải là cái biết qua suy tưởng, mà là cái biết về sự khiếm khuyết của kiến thức trên căn bản của trí óc. Hiền nhân không có định kiến, không có quan điểm. Họ mở rộng đầu óc và trái tim cho tất cả ý kiến và coi chúng như là của chính mình và hòa nhập theo chúng. Cuộc đời hiền nhân chất đầy bởi Đạo và vì thế mặc dù chủ trương vô hành, mềm yếu mà không rỗng không vì vô vi không có nghĩa là trống vắng. Sở dĩ kẻ hiền chủ trương vô vi vì họ phủ nhận cái hữu vi phân định và khuyết điểm của chủ ý và hành động của thế gian. Vô vi là con đường đi đến muôn sự bằng cái tinh hoa của chúng vốn là của Đạo không cần phải năng tác và bỏ tức bởi con người.

Jaspers hỏi: Nếu chủ ý, cơ tâm là nguồn gốc của lỗi Đạo, thì câu hỏi phải là, từ đâu mà cái chủ tâm này đến với con người để làm cho hắn bị sa đọa ra khỏi con đường chính Đạo? Lão Tử không đặt vấn đề. Jaspers nêu câu hỏi trong truyền thống vấn nạn của triết học Tây phương vốn mang nặng câu hỏi tội lỗi nguyên thủy của Thiên Chúa giáo. Đối với Lão Tử, theo Jaspers, thì sự lỗi Đạo của thế gian là một sự thể có sẵn như vậy rồi mà không cần truy tìm căn nguyên. Đây cũng là vấn đề của Phật Giáo: Tất cả đều đến từ vô minh nhưng nguồn gốc của vô minh thì không được nói đến. Sự kiện lỗi Đạo nằm ở khoảng giữa đâu đó giữa thói nát và đạo lý. Khi con người kêu gọi đạo lý là lúc hắn đang gặp trở ngại, Thời nhiều nương thì đây đây kẻ rao giảng lý thuyết tốt đẹp, đạo đức. Khi đạo lý xuống thấp thì kiến thức tràn đầy. Thế thì kiến thức khoa học hiện đại có phải là biểu trưng cho sự xuống dốc của Đạo? Jaspers không hỏi đến và dĩ nhiên là trong Đạo đức kinh không nêu vấn đề này. Chúng ta có thể nhìn đến vấn đề huỷ hoại môi trường để có thể lên án kỹ thuật và để chủ trương một sự sống hòa theo thiên nhiên như là *Unabomber* chủ trương gần đây. (Xem *Triết* số 2).

Jaspers viết tiếp: Lão Tử không đề ra phương cách thế nào để cho con người tìm đến với Đạo bởi vì phương pháp tìm Đạo là một nghịch lý - khi có phương pháp thì kẻ tìm Đạo lại chủ tâm bám trụ vào phương tiện để rồi tự nó sẽ huỷ hoại Đạo vì Đạo vốn là vô tâm cơ. Tao cannot be willed. Kẻ hiền có thể mất Đạo bằng chủ tâm. Vậy thì năng lực tâm ý chỉ có thể dẫn cá nhân đi về một hướng: lạc Đạo.

Và tương lai? Lão Tử là một trong những triết gia hoài cổ của Trung Hoa. Cái gì tốt đẹp, toàn hảo đều

nằm trong quá khứ, một thời đại hoàng kim nào đó xa xưa - và chân lý là từ cội gốc chứ không phải là kết quả do một tiến trình tạo nên. Chân lý và cái Đạo đều mang nặng bản chất Đã Là. "Hãy giữ chặt cái Đạo xa xưa để nắm được hiện tại. Từ đó, cá nhân có thể biết đến cái nguyên thủy (của vũ trụ). Đây chính là giếng mối Đạo."

Thế còn về ý nghĩa và giá trị cuộc sống? Lão Tử khuyên là hãy giữ chặt được giếng mối của Đạo để được sống một cách chân thực. Sống chân thực là sống trong tính vĩnh cửu của Đạo, và dù thân xác có suy vong, Đạo vẫn còn với hiền nhân. Trong Đạo không có thời lượng, không có sự sinh hiện của thân xác qua từng chu kỳ sinh, hoại, diệt, vong. Hiền nhân không sợ hiểm nguy, không sợ cái chết vì thân xác của hắn không thể là nơi để cho "sừng trâu," "răng cọp," hay "võ khí chiến tranh" làm hại hắn vì hắn không có hiện hữu như là một phân định thuần thân thể.

Nhưng mà kẻ theo Đạo phải sống như thế nào? Jaspers phiên luận Lão Tử rằng: Trong một thế gian phiền nhiễu vốn bị sa đọa từ Đạo lý xuống nơi cõi phân định giữa trật tự và bạo hành, hiền nhân muốn sinh hiện chân hữu chỉ còn có con đường ẩn dật mà thôi - không phải hắn là một con người vị kỷ muốn trốn tránh cuộc đời mà vì xã hội và chính quyền đã đánh mất chân lý, tức là đã đánh mất Đạo lý; không phải vì hiền nhân là một kẻ cao ngạo, mà vì tất cả những gì vui thú, những gì năng động trong đám đông đều là sai lầm với Đạo. Cũng giống như các hiền nhân Do Thái và Hy Lạp thời thượng cổ, Lão Tử là một trong những hiền triết ẩn danh, không phải là vì muốn như thế mà chỉ vì nhu cầu thiết yếu mà thôi. Lão Tử viết, "Nhân gian vui thú như là đang dự tiệc cỗ, như đang leo lên tháp ngày xuân. Chỉ riêng mình ta im lìm, không biểu lộ gì, như đứa trẻ sơ sinh chưa biết nở nụ cười. Trong cô độc, ta như kẻ không nhà. Người đời quá dư thừa, còn ta đây thì mất tất cả. Trí ta đây ngu ngốc, không thấy gì và u tối. Thiên hạ thì sáng sủa; còn ta thì trong bóng tối.... Ta lang thang như biển cả; như gió thổi vô định.... Ta chỉ quý đến bà Mẹ của muôn vật thôi."

Rồi đến lúc Lão Tử lại than phiền là thế gian ít ai hiểu được ông và tư tưởng của ông: "Lời ta thì dễ hiểu và dễ thực hành nhưng không ai có thể hiểu và thực hành chúng... ít ai hiểu được ta cho nên ta mới là quý. Vì thế mà hiền nhân tuy mang áo vải bên ngoài nhưng bên trong thì chứa đầy châu báu." Có lần Lão Tử, theo truyền thuyết, đã lên án các dự án chính trị của Khổng

Tử vì ông cho rằng, "Khi kẻ hiền tìm thấy Thời thì hẳn đứng lên; khi không có Thời thì hẳn để cho cỏ mọc và rác rến chất đầy mà rũ áo bỏ đi..."

5. Đạo lý và chính trị

Jaspers phiên luận Lão Tử rằng: Chân lý - sự dung thông với Đạo - có thể có nơi kẻ trị nước, trong chính quyền, trong hệ thống kinh tế, và ngay cả trong chiến tranh. Do đó, chân lý của chính quyền là nằm ở chỗ vô hành, trong sự tháo gỡ, trong sự ảnh hưởng nhẹ nhàng, tức là trong sự yếu nhẹ. Kẻ cai trị là một cá thể. Nhân cách và hành vi của hắn quyết định cuộc đời của cả quốc gia. Tổng thể của tất cả việc nước chính là nhân cách của kẻ trị nước. Phẩm chất của kẻ cầm quyền nằm nơi cách thể nhân dân nhìn đến hắn. "Cao nhất là kẻ trị nước được quần chúng biết đến rất ít; xuống nữa là kẻ được yêu mến và ca ngợi; thấp hơn là kẻ bị sợ hãi; tệ nhất là kẻ bị khinh nhờn... Kẻ trị nước hoàn tất công việc của hắn, nhưng nhân dân thì nghĩ rằng họ làm theo chuyện tự nhiên. Khi được thế thì thiên hạ sẽ thái hòa theo quy luật tạo hóa," Lão Tử viết. Thuật trị nước chính là ở nơi chỗ càng ít nhúng tay vào việc nước thì càng tốt. Theo Lão Tử, trong Thời nước loạn thì "Triều đình huy hoàng, trong khi đồng lúa thì cỏ mọc tràn đầy, kho chứa trống trơn, y phục thì đẹp đẽ, vũ khí sắc bén bên mình, ăn uống tràn trề, của cải và kho tàng tràn đầy. (Nhưng tất cả chỉ là) ăn cướp và đạo tặc."

Kẻ trị nước không phải chỉ có giữ Đạo cho việc nước - mà là cho tất cả để đạt được cái nhân hòa với thiên nhiên. Khi nhà vua có Đạo lý thì thiên tai, loạn lạc, đói kém cũng sẽ được tránh khỏi. Và đây là một nghệ thuật trị nước khó hiểu đối với lý luận chính trị và quản lý thông thường. Chính trị và việc nước là một vấn đề của thể thức, khuôn mẫu, biểu tượng: "Giữ lấy đại tượng thì thiên hạ sẽ đến với mình." Đạo là sức mạnh nội tại để giữ được phong cách của kẻ cai trị. Năng lực tự hữu này được bộc phát và bao trùm lên tất cả những gì Đàng Là của người lãnh đạo. Từ đó, cái hành của kẻ có Đạo là tự nhiên và không ép đặt - chứ không phải là thụ động mà không làm chi cả. Tất cả các phương thức hay khí cụ để trị nước, an dân đều chỉ là hiện thân của một tình trạng lạc Đạo. "Thiên hạ càng có nhiều kiêng cử thì nhân dân càng nghèo khó. Vũ khí càng sắc bén thì loạn lạc càng gia tăng.... Pháp luật càng minh định thì trộm cướp càng

hiều. Vì thế nên kẻ hiền mới nói, "Ta vô hành nhưng nhân dân tự chuyên hóa. Ta lấy cái tĩnh mà nhân dân tự tu chính. Ta không nhúng tay mà nhân dân phần thịnh. Ta không áy dục và nhân dân trở nên thanh bạch."

Tuy nhiên, Jaspers phiên giải, nếu chúng ta lấy cái vô vi để làm đầu mối cho tác hành trong công việc trị nước là chúng ta đã nhầm lẫn về triết lý Lão Tử. Đạo Đức kinh chỉ nêu lên một khả thể tĩnh vốn không phải là một khuôn thức cho tri kiến và hành động, nhưng mà là một nguồn gọi thức cho cá nhân về cái gốc rễ tâm thức từ trong mỗi chính mình.

Trong triết lý Lão Tử, không có một khái niệm về cái cách hay cách mạng. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng việc trị nước chỉ trông cậy vào cái tốt của thiên hạ, cái tính hiền hòa của nhân dân, bởi vì như thế thì nước sẽ loạn. Và khi nước loạn thì kẻ trị nước sẽ càng sai lầm hơn nữa nếu đem bạo lực ra để mà trấn áp. Triết lý Lão Tử là một thức niệm về chánh trực, về Đạo lý, về khuôn thức, về biểu tượng trong chính trị và quản lý. Năng lực Đạo lý tự hoàn chỉnh chính cá nhân kẻ trị nước và làm việc nước như là căn tính của mọi khả thể cho hành và vô hành. Việc trị nước cũng giống như là đời sống thường nghiệm cho một cá nhân: nền tảng đạo đức, bản lãnh nội tại trong Đạo lý sẽ quyết định cuộc đời hắn - không phải là từ tính toán, hành động hay vận dụng. Vận mệnh quốc thể cũng như thế: bản chất tâm thức của kẻ trị nước và nhân dân trong giếng mối Đạo lý là con lộ số phận của nước nhà. Cái hạt giống cho sự việc mới là quan yếu: "Hãy chuẩn bị cho cái khó khi nó còn dễ. Đối đầu với sự lớn khi nó còn nhỏ." Đây là nguyên tắc của chữ Thời - cái gì cũng có cái Khi và cái Lúc của nó. Kẻ hiền phải nắm được cái Cơ Thời vốn là căn tính của sự thế. "Khi vật yên thì dễ nắm; chưa thể hiện thì dễ phòng; vật mềm thì dễ tan loãng. Hãy đối đầu với sự việc trước khi nó trở thành. Hãy giàn xếp việc nước trước khi loạn lạc tác hành. Cây to lớn cả vòng ôm khởi đi từ gốc nhỏ. Đài cao chín tầng xây lên từ miếng đất. Hành trình vạn lý khởi đi từ bước nhỏ," Lão Tử viết.

Căn tính của vô hành trong việc trị nước là Đạo: Trong tất cả những gì xảy ra thấy đều có Đạo lý của nó - nguyên có và bản thể của trật tự là gốc rễ của sự vật. Kẻ hiền là người nắm được cái trọng tâm của sự việc trong sự thể vô hành từ bản thân.

Tuy nhiên, Lão Tử chủ trương trở về vô vi và nguyên thủy một cách quá mức: không tôn trọng hiền tài, trí thức; đừng làm cho kẻ trí sử dụng cái khôn ngoan của họ;

làm cho dân không ham muốn. Bỏ luôn cả nhân nghĩa để dân chúng được hiền lương. Bỏ trí thức cũng giống như là bỏ xa xảo trí nhằm để cho dân được ngoan hiền, nước được thái bình (Chương 19). Có nghĩa rằng: cái Không Là cao hơn là cái Đang Là; cái Đã Là hay hơn cái Chưa

Là, và cái Sẽ Là chỉ là đầu mối của loạn lạc. Loạn và hư hỏng là hai mối sợ hãi lớn đối với Lão Tử, vì theo ông, Đạo chỉ có nằm trong cái Vô và cái Tĩnh.

III. PHÊ BÌNH TRIẾT LÝ LÃO TỬ

1. Về ý nghĩa của Đạo Đức kinh

Khi sáng tác Đạo Đức kinh thì Lão Tử đã phải vi phạm tinh thần và ý nghĩa mà cuốn sách này muốn truyền đạt, Jaspers phân luận. Vì sao? Lão Tử đã nói nhiều lần rằng cái gì mà nói lên được thì không còn là của Đạo. "Kẻ biết thì không nói; kẻ nói thì không biết." Hiền nhân rao giảng chủ thuyết của mình không bằng ngôn từ. Mỗi câu văn của Đạo Đức kinh tự chính nó là một sự xa Đạo. Do đó, đọc Đạo Đức kinh có nghĩa là không nên đọc ngôn từ của nó vì như vậy thì kẻ đọc chỉ bị trói buộc vào cái mà tự chính nó đã là sai lầm. Đọc giả phải vượt qua ngôn ngữ của văn bản để nhận thức ra một ý nghĩa mới mà từ ngôn ngữ chỉ có chức năng tác động một phương thức suy nghĩ cao xa hơn mà thôi. Ngôn ngữ hoàn tất vai trò truyền đạt khi tự chính nó bị phủ định bởi ý nghĩa mà chính tự bản thân nó muốn diễn đạt.

Và Jaspers hỏi: Vậy thì tại sao Lão Tử viết Đạo Đức kinh? Lão Tử không đưa ra biện minh nào. Theo truyền thuyết thì Lão Tử không muốn viết lên điều gì - sở dĩ ông sáng tác là vì bị đòi hỏi bởi một kẻ gác biên cương. Tuy nhiên, nếu bỏ qua chuyện đó, thì chúng ta có thể luận giải rằng, Lão Tử viết để cho chúng ta được có cơ hội tác động tinh thức và suy tư từ ngôn ngữ. Tất cả những gì mà kẻ viết muốn truyền đạt cũng chỉ có thể phải, trên một mức độ nào đó tùy theo văn cảnh, dựa trên phương cách gián tiếp. Phần lớn các hệ thống học thuật triết lý của Á Đông đều sử dụng phương pháp này.

Ngôn từ là phương tiện thiết yếu để chuyển động suy thức. Ngay cả kẻ chối từ ngôn ngữ cũng phải dựa vào ngôn ngữ vì tất cả hành động suy giải đều bắt đầu từ trong chính cơ năng ngôn ngữ suy tưởng - hẳn phải suy thức trên căn bản ngôn ngữ nội tại. Mọi suy nghĩ không dựa vào khái niệm hay ngôn từ đều chỉ là rỗng không và vô nghĩa. Đạo lý của Lão Tử không đi tìm ý nghĩa trên căn bản khái niệm từ phân định đối thể, không phục vụ ý chí cá nhân, không nhằm về một cơ đồ thế gian. Kẻ

hiền không sinh hữu trên cơ sở ngôn từ của nhân gian - mà là từ suối nguồn nội tại, nơi mà Đạo lý là chính mình, là gốc rễ hiện hữu. Con người thế gian thường bỏ quên nguồn gốc Đạo lý tự hữu để chạy theo ngôn ngữ, khái niệm để bị lạc lối trong võng lưới khái niệm và chủ đích truyền đạt ngoại tại. Ngôn ngữ và triết học chỉ có ý nghĩa chân thức khi chúng chỉ là phương tiện đánh thức tiềm năng Đạo lý từ trong nội tâm cá nhân.

Vì vậy, khi Lão Tử nói về chính trị hay việc nước, ông đưa ra những tiền đề luận thuyết cô đọng và quá bao trùm để chủ trương vô hành, nhưng nếu đọc giả lấy những tiền đề này để làm phương châm sinh hữu hay hành động thì điều này chỉ là một sự hiểu lầm to lớn đối với Lão Tử. Jaspers cho rằng, những gì mà Jaspers nêu lên chỉ đóng vai trò như là một sự điều chỉnh: Khi việc nước chỉ chú trọng vào pháp luật và khuôn thức thì triết lý Lão Tử là một sự nhắc nhở rằng nền tảng của việc nước không chỉ chú trọng vào khuôn thức hay tùy nơi quy pháp. Tất cả những nỗ lực quản trị phải biết đến và tôn trọng quy luật chuyển động từ bản thể tự nhiên từ muôn vật và thế gian. Đạo lý là đầu mối chính sách; nếu không thì tất cả chỉ là những cấu thành từ hiện tượng vọng động, vô nghĩa, chỉ có thể tạo thêm hoàn cảnh rối bời cho nhân thế. Hãy nhìn vào thực chất việc nước của thế giới ngày nay: Tất cả những nỗ lực quản trị công quyền và xã hội đều chỉ nằm trên mặt nổi của chính sách vốn chỉ mang tính chất thuần phản ứng theo nhu cầu ngắn hạn. Các kế hoạch, chương trình, dự án để hành động đều phần lớn không phát xuất từ một suy thức sâu xa với nền tảng Đạo lý lâu dài - mà là của những cơ đồ thiển cận, cấp thời mà hệ quả là chỉ tạo nên những nguy cơ khẩn cấp khác. Đến một lúc nào đó, việc nước chỉ còn là một đồng rối bời của những chính sách phục vụ duy nhất cho mục tiêu chính sách, *for their own sake*, với một cơ chế hành chánh đồ sộ, thiếu hiệu năng và chủ đích.

Triết lý Lão Tử như là ngọn hải đăng định hướng cho tâm thức bất định của cá nhân giữa biển sóng cuộc đời. Chúng ta phải khởi đi từ một nền tảng tâm thức trong Đạo lý để làm hành trang cho chủ ý và tác hành. Cá nhân

phải thường tự hỏi, "Cứu cánh tối hậu của những gì ta muốn làm là gì?" để mà khỏi bị lạc lối trong những cơn sóng từ bão tố vọng động, vô nghĩa. Hiện hữu và hành động mà không phát xuất từ Đạo lý chỉ là hư vô.

Cuộc tìm triết học? Lão Tử không tìm kiếm gì cả, Jaspers viết, khi ông đã biết được căn tính của sự Hữu và đã nói lên từ nguồn cội của Đạo. Chúng ta không thể tìm ra cái gì bên ngoài chính ta - và ngôn ngữ không phải là phương tiện hay là ngọn đèn soi sáng cho con đường đi về với Đạo. Vì thế mà Lão Tử truyền đạt bằng ẩn dụ, đầy mâu thuẫn, trùng phức và nghịch ngẫu. Chúng ta đọc Lão Tử phải vượt qua được hình thức quá tổng quan, chưa hoàn tất, đòi hỏi nhiều nỗ lực thông giải. Vì thế, mỗi người đọc và hiểu Đạo Đức kinh một cách khác nhau. Chúng ta đang đọc về cái Một siêu nghiệm của Đạo bỗng phải đọc tới một vài quan điểm về chính trị và đạo đức thông thường, không có gì là sâu sắc. Một câu văn có vẻ huyền nhiệm lại kèm theo một câu khác lạc điệu, tầm thường. Người đọc trong hoàn cảnh này chỉ căn cứ trên văn bản duy nhất, trong một văn cảnh của chúng tích cổ thư để chấp nhận chứ ít khi lên tiếng phê phán.

2. Truyền thống từ Lão Tử

Từ bối cảnh quá rộng và quá mở như thế, triết lý Lão Tử đã tạo ra một truyền thống bao gồm nhiều trường phái, thể thức triết học hay đạo học khác nhau nhưng đều nhân danh là từ Lão Tử. Các trường phái hay khuynh hướng triết lý từ Đạo Đức kinh bao gồm:

a. Phái tu đạo xuất thế: Theo Jaspers thì Lão Tử muốn vượt qua thế gian trong suy thức tới Đạo, nhưng ông không từ chối thế gian, ngay cả khi ông ta rời khỏi nhà. Sống với Đạo là sống trong thế gian này. Lão Tử không tìm ra một trạng thái giác ngộ hay xuất thần cao siêu nào cả. Ông không muốn thay đổi trạng thái ý thức bằng thiền định hay bằng huyền bí thuật. Ông không chủ trương vô ngã hay phủ định hiện hữu. Vì thế, Lão Tử không phải là một đạo sĩ thần bí. Tư duy của ông chỉ là một sự nhắc nhở về căn tính của sinh hữu và hiện tượng chứ không phải là một con đường hay pháp thuật tu đạo nào cả. Thế nhưng, từ ngôn ngữ huyền nhiệm, tổng quát, mơ hồ, phủ định của Đạo Đức kinh, cộng với truyền thuyết về con người và cuộc đời của ông đã tạo ra những người nhân danh tu đạo để trốn tránh, để phủ

nhận thế gian và cuộc sống. Truyền thống tu ẩn dật ở Trung Hoa sau thời Lão Tử đã trở nên một thời trang chứng tỏ kẻ tu đạo là siêu việt và xuất chúng. Tất cả đều là một sự hiểu lầm, lường gạt, làm dáng, ý chí quyền lực - cho đến khi Phật giáo du nhập vào thì khuynh hướng tu đạo này mới được biến dạng phần nào.

b. Phái nhập thế: Ngược lại, một khuynh hướng khác thì chủ trương chấp nhận cuộc đời như thế và sống trong đó với tinh thần nghệ sĩ không bị trói buộc vào trách nhiệm gia đình, xã hội, quốc gia. Jaspers kể lại một câu chuyện của ba kẻ uống rượu giấm: Thế gian là rượu giấm này. Khổng Tử uống vào thì cho là chua; Phật Thích Ca thì cho là đắng; Lão Tử thì khen là ngọt.

c. Phái thư nhân: Trang Tử là đồ đệ lớn nhất của Lão Tử trong trường phái này. Khác với Lão Tử, Jaspers phê bình, Trang Tử viết văn đầy luận điệu, đầy khích động, đầy bi quan, yếm thế. Văn của Trang Tử dễ đọc, không có gì là sâu sắc. Trang Tử, Jaspers viết tiếp, không xứng đáng là một nhà phiên giải triết học Lão Tử - chứ đừng nói đến ông là một môn đệ chính tông của Lão Tử.

d. Phái bí thuật: Lão Tử bị trường phái này sử dụng như là giáo chủ về các xảo thuật trường sinh và nhiều "bí thuật" đầy xảo trá khác.

e. Phái chính trị quyền lực: Phái này vận dụng những mơ hồ và tổng quan của triết lý Lão Tử để cổ võ cho một phương cách hành xử quyền lực không cần đi theo quy luật đạo đức và luân lý nhân gian thông thường. Cái Đạo không là gốc rễ của hành vi mà chỉ là biện minh cho ý chí quyền lực siêu đẳng, tối cao. Điều này cho chúng ta thấy rằng, bất cứ triết lý nào cũng có thể bị phiên giải khác đi theo chủ ý lạm dụng bởi kẻ đến sau.

3. Vị thế lịch sử và giới hạn của Lão Tử

Lão Tử là hiện thân của một truyền thống lâu đời của nhân loại khắp nơi vốn ca ngợi khuynh hướng ẩn dật, nhưng triết lý của ông đã khơi thức dậy cả một chiều dài thời tính triết học mới. Từ Lão Tử, triết học Trung Hoa và thế giới được mở đầu và liên tục trên nhiều phương diện của huyền học, bí thuật, ẩn danh, siêu hình học, đạo học, tu tiên, vô vi, văn chương và thi ca. Gốc rễ của sử tính này phát xuất từ sự đọc rộng ra hay là sự hiểu sai nguyên ý về Lão Tử.

Nhưng bản chất của lịch sử tư tưởng thì bao giờ cũng như thế: sự chuyển động của thời tính lịch sử phát xuất từ lỗi lầm nhiều hơn là từ chân lý. Tuy nhiên, lỗi lầm

không phải là một vấn đề đơn giản. Phải là từ những con người siêu việt mới có những sai lầm xứng đáng. Con người càng vĩ đại thì sai lầm càng vĩ đại. Từ huyền thoại to lớn của Lão Tử mà triết lý Trung Hoa và cả Á Đông đã đi vào những bước ngoặt sai lầm lớn lao.

So với Ấn Độ và Tây phương, trên phương diện tôn giáo, nguy trang bằng triết lý, thì Trung Hoa, sau Lão Tử, mang nhiều ưu điểm. Phật giáo thì đe dọa con người bằng sự sống vĩnh cửu. Thiên Chúa giáo thì hăm he nhân loại với cái chết muôn đời. Lão Tử thì chỉ có hứa hẹn nhẹ nhàng vào một khả thể dung hòa với thiên nhiên. Jaspers viết: Cái vĩ đại của Lão Tử không thể được tách rời ra khỏi tinh thần của người Tàu. Biên độ giới hạn của Lão Tử cũng chính là giới hạn của người Tàu: thái độ cảm quan về nhân thế an lành trong một thế giới nhiều khổ đau và vọng động. Lão Tử không biết đến mối lo sợ của Phật Giáo về vòng sinh tử luân hồi, cũng không nghĩ đến căn gốc tội lỗi của Thiên Chúa giáo vốn chỉ có thể cứu rỗi bằng đức tin. Chúng ta có thể cho rằng, những khái niệm về hiện hữu của nhân loại bởi Phật giáo và Thiên Chúa giáo là kinh khủng và ghê rợn khi so với một triết lý sống tự nhiên và an lành của Lão Tử, mà người Tàu cho đến thời Lão Tử đã rất may mắn là đã thoát được hai mối họa siêu hình khủng khiếp - *metaphysical horrors*, nói theo Kolakowski - từ Ấn Độ và Tây phương.

Tuy nhiên, cái bản chất an nhàn của triết lý Lão Tử chính là khuyết điểm của triết học Trung Hoa. Dù rằng người Tàu không bị rơi vào cái mâu thuẫn và ghê tởm của ý niệm về thực tính nhân sinh; nhưng chính sự an nhàn này đã tạo nên một khoảng trống suy thức và triết học sâu rộng và lớn lao cho những chủ thuyết bên ngoài tràn vào. Người Tàu không khai phá bản chất thực tại ghê rợn vốn nằm sâu trong bóng tối hiện hữu. Từ đó,

bản chất bi đát của thân phận con người, những ngõ sâu tội lỗi của lương tâm, những khả thể huyền hoặc của siêu hình đã bị bỏ qua và lãng quên. Và hệ quả là triết học, văn chương, thi ca, bi kịch của Trung Hoa chỉ có nằm trên bề mặt của hiện tượng quyền lực mà không chứa đựng một chiều sâu xứng đáng như là của Ấn Độ hay Hy Lạp, Tây Âu. Khi chiều sâu và bản chất bi thảm, tội ác của hiện hữu không được khai sáng trên phương diện suy thức và truyền đạt thì người Tàu thử nghiệm chúng bằng sự sống và tác hành. Lịch sử Trung Hoa, và của Việt Nam, là quá trình chuyển động của một chuỗi dài những thời tính bạo hành và đen tối khi mà chính tâm thức của hai dân tộc này không được khai sáng bằng triết học về góc cạnh tâm tối của ý chí và tâm lý con người. Trong triết lý Lão Tử thì mọi cái đều nằm trong vĩnh cửu tính của Thời - còn cái gì ở trong Thời thể thì không là quan yếu. Đây là một thiếu sót lớn lao. Jaspers viết tiếp: Về những nghi vấn của cuộc sống, về những câu hỏi mới cần phải được nêu lên, về những chọn lựa khả thi trong bối cảnh ngặt nghèo đầy giới hạn, một định nghĩa về chân lý và một sự khai mở cho sự Hữu, tất cả phải nằm trong Thời tính triết học. Khi Lão Tử không bàn đến thì triết học này là một sự thiếu sót và lãng quên: lãng quên về khả thể khai mở tri thức bằng lý luận, về mâu thuẫn lương tâm, về đối thoại với chính mình và tha nhân, về năng lực và ý chí nội tại đối với hiện hữu, về sự tự đánh lừa về biện minh và chọn lựa.

Con người chỉ có thể vươn đến và thông đạt với cái vô hạn và toàn thể bằng con đường thực nghiệm hữu hạn trong Thời thể; và vì thế, khi một triết học bỏ quên cái hữu hạn thì cái vô hạn chỉ còn là ước mơ. Triết học Lão Tử chỉ là một Lời Hứa mang âm hưởng thi ca, một bản số văn hoài vọng giữa một nhân thể nhiều nhuong và nhiều bi đát. (*Triết*)